

MỤC LỤC

I. BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC	3
II. GIỚI THIỆU CÔNG TY	8
Cơ cấu Vôn điêu lệ tại thời điểm 31/12/2006	12
Sơ đồ tổ chức Công ty	14
III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	16
IV. CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỦ YÊU	26
V. HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG	32
VI. SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY	36
VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	48
 <i>ENGLISH VERSION</i>	89



| Đôi mắt luôn khởi đầu với bầu trời cao |

Emerson



BÁO CÁO
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC



Năm 2006, công ty cổ phần sữa Việt Nam(Vinamilk) tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao: doanh thu đạt 6.662 tỷ đồng; lợi nhuận đạt 731,58 tỷ đồng. Mặc dù giá nguyên liệu đầu vào tiếp tục tăng cao như: bột sữa, đường..., cạnh tranh bán hàng ngày càng gay gắt hơn, công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh rất khả quan, lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt mức 4.601 đồng/cổ phiếu, so với năm 2005 là 3.816 đồng/cổ phiếu. Cùng với việc đổi mới hoàn toàn phương thức kinh doanh như phân loại, sắp xếp lại mạng lưới phân phối sản phẩm, đẩy mạnh hệ thống bán lẻ trên tất cả các địa bàn, công ty đã chân chính mạnh mẽ công tác tiếp thị, mở rộng cơ cấu ngành nghề kinh doanh.

Tiếp tục triển khai xây dựng mới và mở rộng các nhà máy sữa ở Bắc Ninh, Đà Nẵng, Cần Thơ và Bình Định; đẩy mạnh đầu tư nguồn nguyên liệu với việc thành lập Công ty TNHH Bò Sữa Việt Nam; đầu tư vào sản xuất các sản phẩm mới như bia, cà phê; đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh; tham gia đầu tư vào bất động sản và chuẩn bị niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài.

Kết quả đạt được trong năm 2006 cho thấy, phần lớn các chỉ tiêu tài chính quan trọng đều đạt hoặc vượt mức bình quân của nhiều năm trước. Năm 2006 cũng là năm Công ty bắt đầu thực hiện đầu tư chuyên sâu vào các lĩnh vực mới như: chăn nuôi bò sữa, bất động sản.

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Có thể nói rằng, năm 2006 là năm Công ty có kết quả kinh doanh tốt nhất kể từ khi cổ phần hóa, thu nhập sau thuế trên mỗi cổ phiếu đạt mức kỷ lục 4.601 đồng cho mỗi cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng, tăng 20,6% so với năm tài chính 2005.

Thị trường xuất khẩu chính năm 2006 của Công ty vẫn là thị trường Iraq. Tổng doanh thu xuất khẩu sang thị trường này vẫn duy trì ở mức trên 80 triệu USD. Ngoài ra, thị trường xuất khẩu có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong năm qua là thị trường Campuchia, tăng 74,0 % so với năm 2005 và đạt 3 triệu USD.

Năm 2006, lợi nhuận trước thuế (PBIT) tăng hơn 21,9% so với năm 2005 và đạt mức 734,47 tỷ đồng là do sự gia tăng doanh thu của các nhóm sản phẩm có tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản phẩm và tỷ suất lợi nhuận cao như: sữa bột, sữa chua ăn, sữa chua uống, sữa tươi và sữa đặc có đường.

CỔ TỨC

Với kết quả kinh doanh đã đạt được trong năm 2006, Hội đồng Quản trị quyết định tạm chia cổ tức năm 2006 bằng tiền mặt cho cổ đông với mức 1.900 đồng cho mỗi cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng. Tỷ lệ chia cổ tức chính thức năm 2006 sẽ được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông dự kiến được tổ chức vào cuối tháng 03 năm 2007. Như vậy, cổ tức được chia năm 2006 tăng 11,76% so với năm 2005 và chiếm 41,2% tổng lợi nhuận sau thuế toàn Công ty.

Điều này đánh dấu sự gia tăng liên tục tỷ lệ chia cổ tức qua các năm: 2004: 15%; 2005: 17% và 2006: 19% và nêu bật sự tăng trưởng ổn định của Công ty trong các năm vừa qua.

CƠ CẤU SẢN PHẨM VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

a. Nhóm sữa bột và bột dinh dưỡng

Nhóm sữa bột và bột dinh dưỡng là một trong những nhóm sản phẩm chính, có mức doanh thu và lợi nhuận cao, đóng góp nhiều nhất vào kết quả kinh doanh. Doanh thu tiêu thụ nội địa của nhóm "Sữa bột và bột dinh dưỡng" vẫn duy trì một mức tăng trưởng cao. Năm 2006 doanh thu tăng 30,3% so với năm 2005. Đối với hoạt động xuất khẩu, doanh thu nhóm này chiếm trên 90% tổng kim ngạch xuất khẩu trong năm.

b. Nhóm sữa đặc có đường

Nhóm "Sữa đặc có đường" là nhóm có tỷ trọng doanh thu lớn nhất trong cơ cấu doanh thu nội địa của toàn Công ty. Doanh thu năm 2006 tăng 2,2% so với năm 2005.

c. Nhóm sữa tươi, sữa chua uống

Có mức tăng trưởng cao nhất trong năm 2006 là nhóm "Sữa tươi, sữa chua uống". Kết quả này cho thấy đây là một thị trường đầy tiềm năng mà Công ty cần hướng tới trong tương lai. Doanh thu của nhóm đã tăng tới 32,8% so với năm 2005.

d. Nhóm hàng lạnh, thực phẩm, giải khát

Nhóm "hàng lạnh, thực phẩm, giải khát" cũng có mức tăng trưởng cao thứ 2 trong số các nhóm sản phẩm trong năm 2006. Đặc biệt, trong nhóm này có mặt hàng "sữa chua ăn" được người tiêu dùng ưa thích và lựa chọn sô môt. Nhóm đã có mức tăng trên 21,9% so với năm 2005.

e. Nhóm hàng cà phê

Nêu như năm đầu tiên 2005, mục tiêu của công ty là đưa sản phẩm làm quen với người tiêu dùng và để đánh giá thị trường cũng như định hướng cho những chiến lược marketing sau này thì đến năm 2006 nhóm sản phẩm này đã từng bước có được chỗ đứng trên thị trường. Sản phẩm café Moment đã xuất hiện ở nhiều nơi và nằm trong danh sách lựa chọn của người tiêu dùng khi mua loại sản phẩm này. Doanh thu tăng 205% so với năm 2005.

f. Đầu tư tài chính

Cùng với sự phát triển của thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng trong năm 2006, Ban Lãnh đạo Công ty đã quyết định tham gia mạnh vào thị trường này, tận dụng các cơ hội có được để đầu tư, tạo thêm lợi nhuận, góp phần đa dạng hóa và gia tăng mức đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của toàn Công ty.



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2007

Để giữ vững và phát triển thị phần trong nước, tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, năm 2007, công ty đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu tối thiểu 15% và tăng trưởng lợi nhuận từ 15-20% so với năm 2006. Đôi với hoạt động xuất khẩu, mục tiêu đặt ra trong năm 2007 sẽ xuất khẩu 120 triệu USD, tăng trên 50% so với năm 2006.

Ngoài các dự án Liên doanh sản xuất bia, Phòng khám An Khang với chất lượng phục vụ cao cấp đã và đang đi vào hoạt động, Nhà máy cà phê Sài Gòn (Bình Dương), Nhà máy sữa Tiên Sơn (Bắc Ninh) bắt đầu sản xuất sản phẩm, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Ngoài ra, Công ty sẽ đầu tư mạnh vào các dự án phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng thêm từ một đến hai trang trại chăn nuôi bò sữa kiều mầu, cung cấp thêm nguồn nguyên liệu sữa tươi cho sản xuất.

THAY LỜI KẾT

Sự phát triển mạnh mẽ của Vinamilk trong những năm qua có được là nhờ sự tin cậy và ủng hộ mạnh mẽ của Quý khách hàng, những đối tác kinh doanh cũng như có sự trợ giúp của các cơ quan chính quyền, các đoàn thể. Do vậy trước hết, thay mặt cho Vinamilk tôi xin có lời cảm ơn sâu sắc gửi tới quý khách hàng, đối tác kinh doanh, nhà đầu tư, và quý các cơ quan, đoàn thể. Kính chúc quý vị luôn thành đạt trong công việc, thành công trong hoạt động kinh doanh và sẽ mở rộng hơn nữa sự hợp tác giữa chúng ta.

Tôi cũng xin gửi lời tri ân tới hơn 3.900 nhân viên toàn công ty, xin cảm ơn sự đóng góp hiệu quả của mọi người và hy vọng tất cả nhân viên sẽ tiếp tục phát huy những khả năng của mình để đưa ngôi nhà Vinamilk của chúng ta tiếp tục đạt những kết quả tốt hơn trong tương lai.

Với những kết quả đạt được của năm 2006, tôi tin rằng trong thời gian tới Vinamilk sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ và vững chắc. Từ năm 2007, Công ty sẽ bắt đầu đưa vào sử dụng mới các dự án đầu tư mở rộng và xây mới, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của người tiêu dùng trên thị trường.

Thành phố Hồ Chí Minh,
Ngày 15 tháng 3 năm 2007



Thay mặt và đại diện cho
Công ty Cổ phần sữa Việt Nam
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Mai Kiều Liên



Mọi sự vật đều có vẻ đẹp riêng,
chỉ duy không phải ai
cũng có thể chiêm ngưỡng nó

Confucius

GIỚI THIỆU CÔNG TY





CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VIETNAM DAIRY PRODUCTS JSC - STOCK COMPANY



VINAMILK

114-116-118 Nguyễn Bình Chánh Phường 8, Quận 7, TP HCM
Tel: (84 8) 9 304 555 Fax: (84 8) 9 304 208



Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam được thành lập trên cơ sở quyết định số 155/2003/QĐ-BCN ngày 01 tháng 10 năm 2003 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Sữa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Giây Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2003. Trước ngày 01 tháng 12 năm 2003, Công ty là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp.

Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Tên giao dịch quốc tế: Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Dairy Products Joint Stock Company

Tên viết tắt: VINAMILK

Logo:



Trụ sở: 184-186-188 Nguyễn Dinh Chiểu, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 9300 358 Fax: (84.8) 9305 206

Web site: www.vinamilk.com.vn

Email: vinamilk@vinamilk.com.vn

Võn Điều lệ đăng ngày

31/12/2006: 1.590.000.000.000 VND

(Một ngàn năm trăm chín mươi tỷ đồng chẵn).

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng, bánh, sữa tươi, sữa đậu nành, nước giải khát và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hoá chất và nguyên liệu.
- Kinh doanh nhà, môi giới cho thuê bất động sản;
- Kinh doanh kho bãi, bến bãi; Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô; Bốc xếp hàng hoá;
- Sản xuất mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chè biền, chè uông, café rang- xay- phin – hòa tan (không sản xuất, chè biền tại trụ sở);
- Sản xuất và mua bán bao bì, in trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa.
- Phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở).

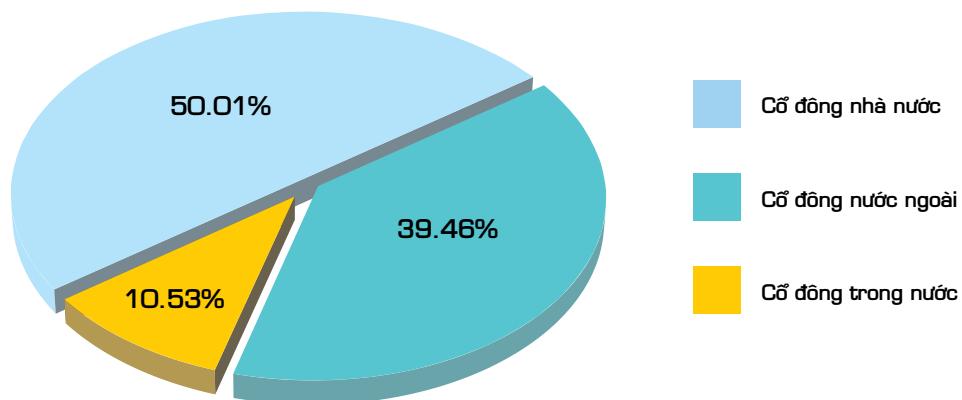
CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2006

Mệnh giá cổ phần là 10.000đồng/cổ phần

Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu
Cổ đông Nhà nước	79.520.000
Cổ đông trong nước	16.736.350
Cổ đông nước ngoài	62.743.650
Tổng số vốn chủ sở hữu	159.000.000

Tỷ lệ cổ phần sở hữu theo thành phần:

Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu
Cổ đông Nhà nước	50,01%
Cổ đông trong nước	10,53%
Cổ đông nước ngoài	39,46%
Tổng cộng	100,00%

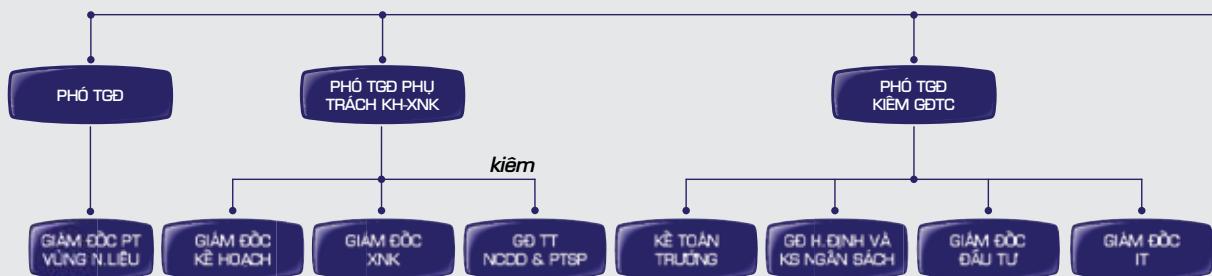


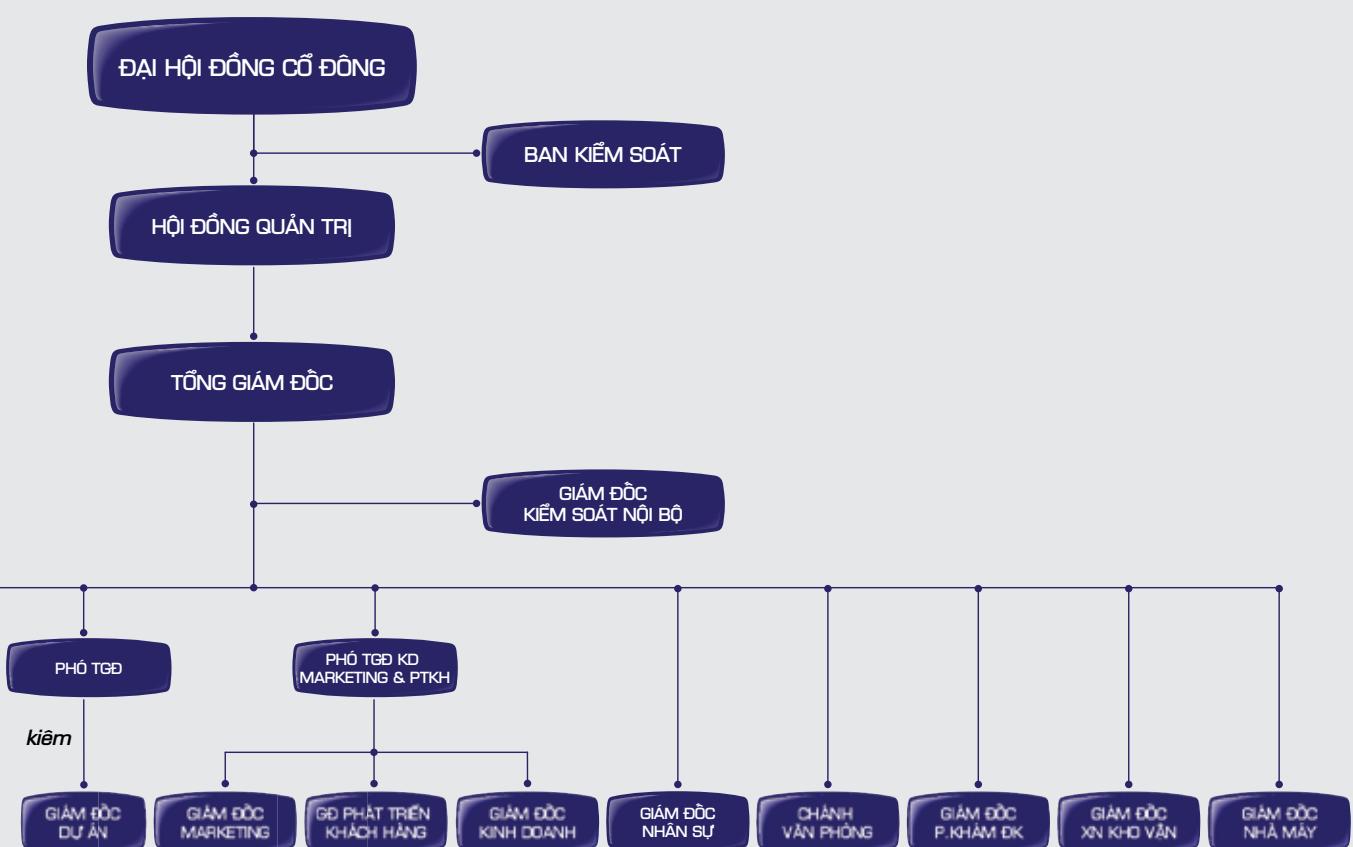
CÁC NHÓM SẢN PHẨM CHÍNH, CÁC NHÀ MÁY & CÁC CHI NHÁNH

STT	ĐƠN VỊ	SẢN PHẨM CHÍNH	ĐỊA CHỈ
01	Nhà máy Sữa Thông Nhât	Sữa đặc có đường, sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, sữa chua uông, kem, bánh Flan, sữa đậu nành	12 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, TP HCM ĐT: (84.8) 8960725
02	Nhà máy Sữa Trường Thọ	Sữa đặc có đường, sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, sữa đậu nành, nước ép trái cây, phô mai, bánh flan.	32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, TP HCM ĐT: (84.8) 896 0727
03	Nhà máy Sữa Sài Gòn	Sữa tươi tiệt trùng, sữa chua uông, sữa đậu nành, nhựt và thiếc in.	Khu CN Tân Thới Hiệp, Q.12, TP HCM ĐT: (84. 8) 717 6355
04	Nhà máy Sữa Dielac	Sữa bột, bột dinh dưỡng dành cho trẻ em và người lớn, trà và cà phê.	Khu Công Nghiệp Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai ĐT: (84.61) 3836 115
05	Nhà máy Sữa Cần Thơ	Sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, kem, bánh	Khu Công Nghiệp Trà Nóc, TP Cần Thơ Tel: (84.71) 842 698
06	Nhà máy Sữa Bình Định	Sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, sữa chua uông, kem.	87 Hoàng Văn Thụ - P. Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định ĐT: (84.56) 746 066
07	Nhà máy Sữa Nghệ An	Sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, nước ép trái cây	Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, Thị Xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An Tel: (84.38) 3949 032
08	Nhà máy Sữa Hà Nội	Sữa đặc có đường, sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, kem, bánh flan	Xã Dương Xá, Gia Lâm, Tp. Hà Nội ĐT: (84.4) 827 6418
09	Xí nghiệp kho vận	Vận chuyển, giao nhận	32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, TP HCM ĐT: (84.8)896 6673
10	Chi nhánh Hà Nội	Kinh doanh các sản phẩm của công ty	191 Bà Triệu, VINCOM B, Tp. Hà Nội Tel: (84.4) 9742 520 – 9742 512
11	Chi nhánh Đà Nẵng	Kinh doanh các sản phẩm của công ty	175 Triệu Nữ Vương, TP Đà Nẵng Tel: (84.511) 897 222
12	Chi nhánh Cần Thơ	Kinh doanh các sản phẩm của công ty	86D Hùng Vương, Q Ninh Kiều, TP Cần Thơ Tel: (84.71) 827 340
13	Phòng khám đa khoa An Khang	Phòng khám đa khoa	87A Cách Mạng tháng Tám Q.1. TP HCM Tel: (84.8) 9253900

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC & CƠ CẤU QUẢN LÝ

Đến ngày 31/12/2006, Công ty có 13 đơn vị phụ thuộc bao gồm 03 chi nhánh, 08 nhà máy, 01 xí nghiệp kho vận và 01 phòng khám đa khoa. Các quyết định quan trọng để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được thực hiện tại trụ sở chính, số 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, Tp. HCM.







HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC & BAN KIỂM SOÁT

Lửa nguồn mạnh mẽ có thể chỉ bắt đầu
từ một que diêm

Dante



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ MAI KIỀU LIÊN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm 1953 tại Paris, Pháp, được bổ nhiệm vào chức vụ phó giám đốc kỹ thuật nhà máy sữa Thông Nhât vào năm 1982. Năm 1984, bà được bổ nhiệm vào chức vụ phó Tổng giám đốc Công ty sữa Việt Nam (Vinamilk) sau thời gian đi học quản lý kinh tế tại Liên Xô (liên bang Nga ngày nay). Tháng 12 năm 1992, Bà được đề bạt lên vị trí Tổng giám đốc Công ty sữa Việt Nam. Năm 2003, sau đại hội đồng cổ đông lần đầu tiên của Công ty cổ phần sữa Việt Nam, Bà được bầu vào vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị và sau đó được bổ nhiệm vào vị trí Tổng giám đốc Công ty cổ phần sữa Việt Nam. Bà đã có thời gian làm việc tại Vinamilk hơn 30 năm, đồng thời giữ nhiều chức vụ ở các công ty liên doanh, công ty con: chủ tịch công ty TNHH Liên doanh Sabmiller Việt Nam, chủ tịch công ty TNHH một thành viên Bò sữa Việt Nam, chủ tịch công ty TNHH một thành viên đầu tư bất động sản quốc tế, thành viên HĐQT công ty bao bì dầu thực vật (V-Pack).

Bà tiếp tục được cử làm người đại diện phần vốn của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) theo quyết định số 39/QĐ-HĐQT ngày 30/10/2006 của Chủ tịch HĐQT công ty SCIC và Nghị quyết số 1776/NQ.CTS-HĐQT/06 ngày 04/11/2006 của Hội đồng quản trị CTCP sữa Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Hoàng Nguyên Học
Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm 1957 tại huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Ông đã tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Ông được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT công ty cổ phần sữa Việt Nam) theo quyết định số 39/QĐ-HĐQT ngày 30/10/2006 của Chủ tịch HĐQT công ty SCIC và Nghị quyết số 1776/NQ.CTS-HĐQT/06 ngày 04/11/2006 của Hội đồng quản trị CTCP sữa Việt Nam. Trước khi được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước vào tháng 10/2006, ông là chuyên viên cao cấp, Cục trưởng Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính

Bà Ngô Thị Thu Trang
Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm giám đốc tài chính Công ty CP sữa Việt Nam

Sinh năm 1963 tại Gia Định, Sài Gòn, được bổ nhiệm vào vị trí phó phòng Kế toán thông kê năm 1995 và sau đó là kế toán trưởng công ty vào năm 1997. Bà đã tốt nghiệp của nhân tài chính kế toán và thạc sĩ quản trị kinh doanh. Bà được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng giám đốc Công ty sữa Việt Nam vào tháng 2 năm 2005. Bà được bầu là thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sữa Việt Nam vào tháng 11 năm 2003. Ngoài ra, bà đang là thành viên hội đồng quản trị của công ty cổ phần bao bì dầu thực vật (V-Pack), là Chủ tịch Ban đại diện quỹ VF2.



Ông Dominic Scriven

**Thành viên Hội đồng quản trị, đại diện cho
công ty Amersham Industries Ltd.**

Sinh năm 1963 tại Luân đôn, Anh, Ông hiện nay là đại diện cho công ty Amersham Industries Ltd nắm giữ 5.791.320 cổ phần của công ty cổ phần sữa Việt Nam (thời điểm 02/02/2007). Hiện nay Ông đang giữ các chức vụ: Giám đốc điều hành Công ty Dragon Capital Group Ltd, Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Ngân hàng TMCP Dành cho các doanh nghiệp ngoài Quốc Doanh (VPB), Thành viên HĐQT Công ty đồ hộp Hạ Long, Thành viên HĐQT Công ty liên doanh PDD, Thành viên HĐQT Công ty cơ điện lạnh REE, Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Vận tải biển Thái Bình Dương. Ông được bầu vào Hội đồng quản trị công ty cổ phần sữa Việt Nam vào tháng 3 năm 2005.

Ông Huang Hong Peng

**Thành viên Hội đồng quản trị, đại diện
công ty Food&Beverage**

Sinh năm 1959 tại Singapore, Ông hiện tại đại diện cho Công ty Food & Beverage nắm giữ 17.668.330 cổ phần của Công ty cổ phần sữa Việt Nam (thời điểm 02/02/2007). Ông hiện đang giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty Food & Beverage thuộc tập đoàn Fraser & Neave. Ông được bầu vào Hội đồng quản trị công ty cổ phần sữa Việt Nam vào tháng 3 năm 2005.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Mai Kiều Liên
Tổng Giám Đốc



Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa
Phó Tổng Giám Đốc



Bà Nguyễn Thị Như Hằng
Phó Tổng Giám Đốc





Bà Ngô Thị Thu Trang
Phó Tổng Giám đốc



Ông Trần Minh Văn
Phó Tổng Giám đốc



Ông Trần Bảo Minh
Phó Tổng Giám đốc



BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Việt Cường
Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm 1976, tại Hải Phòng, Ông Cường được bầu vào vị trí trưởng Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần sữa Việt Nam vào tháng 12 năm 2003. Ông là đại diện công ty Asia Value Investment Ltd nắm giữ 30.865 cổ phần (thời điểm 02/02/2007). Ông hiện giữ chức Trưởng phòng đầu tư, Công ty VinaCapital Investment Management Ltd.



Ông Nguyễn Việt Hà
Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm 1976 tại Hà Nội, Ông được bầu vào vị trí thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần sữa Việt Nam vào tháng 12 năm 2003. Ông là đại diện Công ty tài chính Indochina Capital nắm giữ 58.284 cổ phần (thời điểm 02/02/2007). Ông hiện giữ chức Phó chủ tịch, Giám đốc đầu tư Công ty tài chính Indochina Capital.



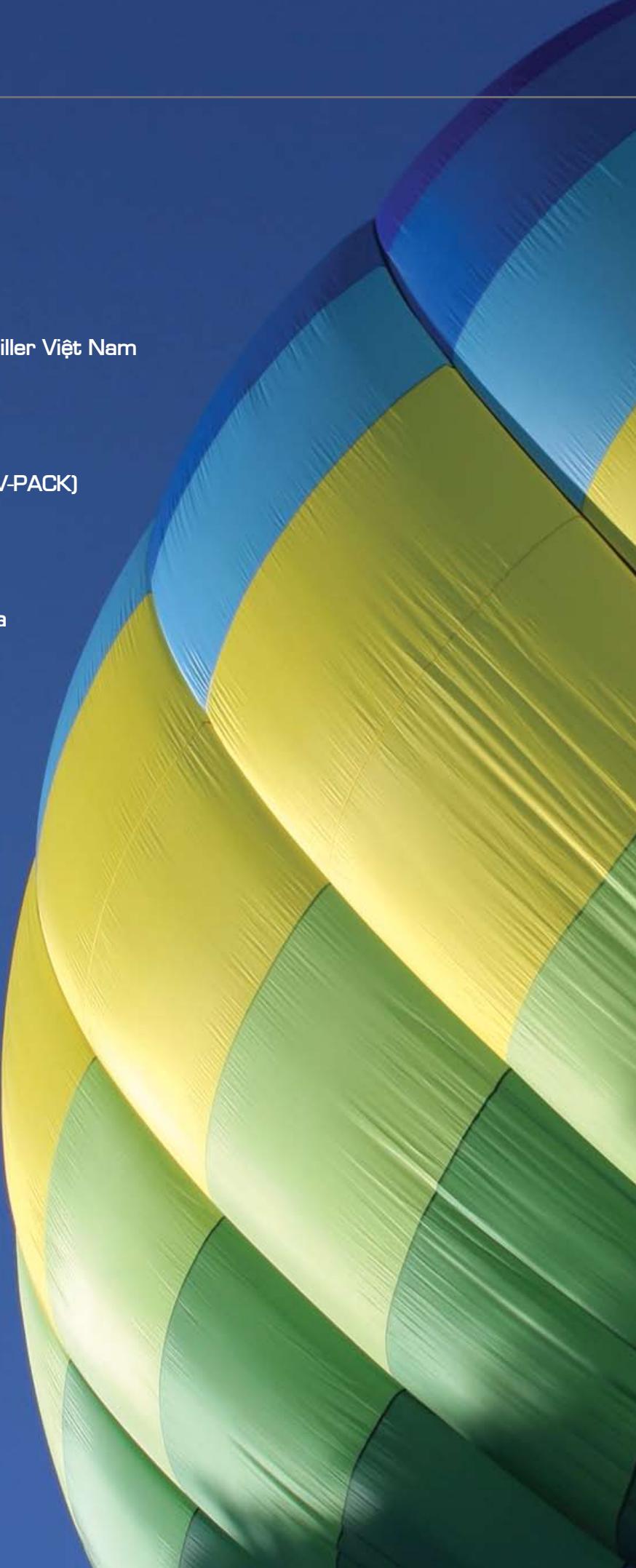
Ông Seow Han Yong
Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm 1973 tại Singapore, Ông được bầu vào vị trí thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần sữa Việt Nam vào tháng 12 năm 2003. Ông đại diện Công ty Arisaig Partners (Asia) Pte. Ltd nắm giữ 350.000 cổ phần (thời điểm 02/02/2007). Ông hiện giữ chức Giám đốc Công ty Arisaig Partners (Asia) Pte. Ltd.



CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH & DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỦ YẾU

| Luôn sẵn sàng, kịp bước
là đã đạt được một nửa của sự thành công |
Cervantes

- 
1. Công ty TNHH liên doanh SAB Miller Việt Nam
 2. Quỹ đầu tư Chứng khoán VF1
 3. Công ty CP bao bì dầu thực vật (V-PACK)
 4. Công ty CP chứng khoán Sài Gòn
 5. Công ty CP phần Đường Biên Hòa

Công ty TNHH liên doanh SAB Miller Việt Nam

Tham gia với Công ty SAB Miller Asia B.V (Hà Lan) thành lập Công ty TNHH liên doanh Sabmiller Việt Nam. Nhà máy sản xuất bia đã được xây dựng hoàn thành các hạng mục cơ bản và công ty cũng đã đưa sản phẩm ra thị trường vào dịp tết Nguyên đán vừa qua. Trong năm 2007, sản phẩm bia của công ty được chính thức phân phối trên thị trường Việt Nam. Những thông tin chính về liên doanh trình bày dưới đây:

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH SABMILLER VIỆT NAM

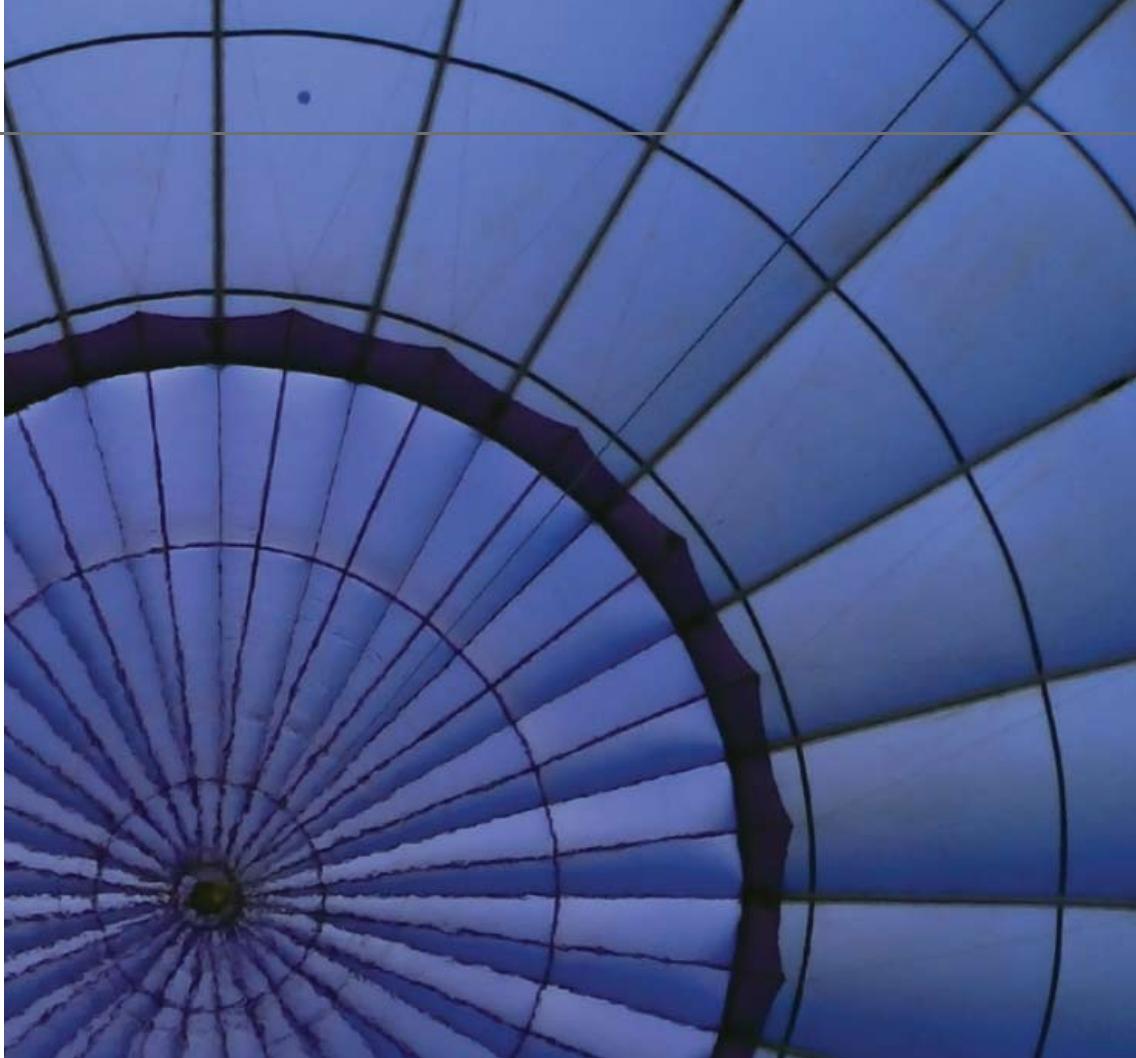
Địa chỉ	Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Vốn pháp định	13.500.000 USD
Vốn đầu tư	45.000.000 USD
Giấy chứng nhận đầu tư	Sô 462023000041 do Ban quản lý các KCN Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 30/06/2006, thay đổi lần 1 ngày 01/12/2006
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia với công suất 100 triệu lít / năm tại Việt Nam và xuất khẩu
Tỷ lệ vốn góp của Vinamilk	50%

Quỹ Đầu tư Chứng khoán VF1

Tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư VF1 của Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VietFund) với tỷ lệ chứng chỉ quỹ sở hữu chiếm 6,8% vốn Điều lệ của quỹ. Quỹ đầu tư VF1 là loại hình quỹ đầu tư dạng đóng lần đầu tiên được cho phép thực hiện tại Việt Nam. Quỹ sử dụng vốn góp của cổ đông sáng lập để hoạt động đầu tư chứng khoán tại Việt Nam và bước đầu đã có những kết quả đáng khích lệ. Sau đây là một vài thông tin chính về quỹ:

QUỸ ĐẦU TƯ VF1

Ngày hoạt động	20/05/2004
Mệnh giá 1 chứng chỉ quỹ VF1	10.000đ/chứng chỉ
Tổng số đơn vị Quỹ VF1 được phát hành	50.000.000
Vốn điều lệ Quỹ VF1	500 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của Vinamilk	6,8%
Niệm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Ngày 22/09/2004



Công ty cổ phần bao bì dầu thực vật (V-PACK)

Công ty sở hữu 13,5 tỷ đồng cổ phiếu của Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật (V-PACK) chiếm tỷ lệ 17,8 % vốn chủ sở hữu. Công ty V-PACK chuyên đầu tư sản xuất bao bì, mua bán bao bì cho ngành thực phẩm; mua bán máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu ngành bao bì và cung cấp dịch vụ thương mại. Thông tin chính về Công ty V-Pack trình bày dưới đây:

CTY CP BAO BÌ DẦU THỰC VẬT (V -PACK)

Địa chỉ	Lô 6-12 khu F,Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. HCM
Lĩnh vực kinh doanh	Sản xuất bao bì cho ngành thực phẩm; mua bán máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu ngành bao bì; Dịch vụ thương mại.
Vốn điều lệ	76 tỷ đồng.
Giấy CN đăng ký kinh doanh số	4103001186 ngày 9/9/2002
Thời gian hoạt động	50 năm kể từ ngày nhận Giấy CN đăng ký kinh doanh (2002)
Tỷ lệ cổ phần Vinamilk sở hữu	17,8%

Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn

Đây là một trong những danh mục đầu tư có hiệu quả nhất của công ty trong năm 2006. Tính đến thời điểm 31/12/2006, tổng số cổ phiếu, trái phiếu công ty nắm giữ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ	180-182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1
Lĩnh vực kinh doanh	Môi giới chứng khoán, dịch vụ tư vấn và quản lý vốn, dịch vụ thị trường vốn, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, báo lãnh phát hành.
Vốn điều lệ	500 tỷ đồng.
Giấy CN đăng ký kinh doanh số	3041GP/TLDN ngày 30/12/1999
Tỷ lệ cổ phần Vinamilk sở hữu	1,6%

Ngoài ra, công ty còn đầu tư vào 800.000 trái phiếu chuyển đổi của SSI.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Công ty hiện sở hữu 10% vốn điều lệ của Công ty Đường Biên Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai
Lĩnh vực kinh doanh	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường, sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm và phế phẩm của ngành mía đường. Mua bán máy móc, thiết bị vật tư ngành mía đường. Sản xuất và kinh doanh sản phẩm rượu các loại
Vốn góp điều lệ	162 tỷ đồng
Tỷ lệ cổ phần Vinamilk sở hữu	10%

A large hot air balloon with a blue and white striped pattern is positioned on the right side of the frame, angled towards the bottom left. The basket is visible at the bottom. The background is a clear, light blue sky.

| Vẻ đẹp khi bạn chiêm ngưỡng
thường ít toàn vẹn hơn khi bạn mơ về nó |

Ngạn ngữ Mỹ



HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

30 NĂM VƯƠN TỚI TÌ



Mang lại lợi ích cho cộng đồng, cùng với cộng đồng san sẻ những khó khăn luôn giữ vai trò quan trọng trong phương châm hoạt động của Công ty. Toàn thể nhân viên Vinamilk đã thể hiện sự quan tâm hướng tới cộng đồng, xã hội bằng những hoạt động thiết thực và cụ thể: Phụng dưỡng suốt đời 20 mẹ Việt Nam anh hùng các miền của đất nước, xây 72 căn nhà tình nghĩa, 120 nhà tình thương, đóng góp cho các quỹ Đền ơn đáp nghĩa, quỹ Xoá đói giảm nghèo, xây dựng khu di tích Bên Được (Củ Chi), học bỗng cho con em liệt sỹ; Cứu trợ nạn nhân bị sóng thần; đóng góp giúp đỡ bộ đội Trường Sa, chương trình chống suy dinh dưỡng trẻ em trên toàn quốc, quỹ Vì người nghèo, quỹ Tài năng trẻ; xây dựng Trung tâm cứu trợ trẻ em tàn tật tại tỉnh Nam Định, quỹ Nạn nhân chất độc da cam, ủng hộ đồng bào bị bão lụt, cứu trợ nạn nhân mỏ than Mạo Khê (tỉnh Quảng Ninh), đóng góp tiền xây dựng cầu vượt sông cho các em học sinh đi học tại Quảng Nam, hỗ trợ tiền phẫu thuật hở môi, hàm ếch cho trẻ em dị tật...

Không chỉ góp phần xoa dịu những nỗi đau, giúp đỡ những người, cộng đồng đang trong hoàn cảnh khó khăn, Vinamilk còn tích cực mang tới cho cộng đồng niềm vui, và những kiến thức xã hội có ích trong cuộc sống. Thông qua chương



trình trò chơi truyền hình, trò chơi cộng đồng, tài trợ cho các hoạt động mang lại lợi ích cho cộng đồng, Vinamilk đã trở nên gần gũi, thân thiết hơn không chỉ với các em thiếu nhi mà còn với mọi người dân Việt Nam. Các chương trình hướng tới thiếu nhi được nhiều người biết đến có thể kể đến như chương trình học bổng "Vinamilk Ươm mầm tài năng trẻ Việt Nam" với 3.000 suất học bổng, mỗi suất trị giá 500.000 đồng, nhưng đến 2007 học bổng này tăng gấp đôi lên đến 6.000 suất (3 tỷ đồng) dành cho học sinh tiểu học vượt khó, chương trình dành cho các cháu thiếu nhi ngày 1/6, Chương trình quỹ học bổng Vừ A Dính, lễ hội trung thu phát quà cho các em học sinh và có dịp giao lưu với các nghệ sĩ nổi tiếng và vui chơi cùng họ, chương trình trò chơi truyền hình "Vui cùng Hugo", Cúp bóng đá thiếu Niên - Nhi đồng toàn quốc mang tên "Cup Vinamilk". Chương trình nhằm giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn như "Vượt lênh chinh mình", hay cung cấp kiến thức xã hội có ích như chương trình "Chuyện không của riêng ai", chương trình "Bản tin Dự báo thời tiết".v.v. Để mang lại niềm vui cho cuộc sống, Vinamilk tài trợ cho các chương trình trò chơi truyền hình như " Hãy chọn giá đúng", "Tam sao thất bát" hay chương trình "Phim Việt cuối tuần".

Mới đây nhân kỷ niệm 30 năm thành lập, công ty đã trích ra ngân sách 7 tỷ đồng cho hoạt động từ thiện của mình để các trẻ em nghèo, khuyết tật trên toàn quốc (64 Tỉnh thành) thông qua Quỹ Bảo Trợ Trẻ Em Việt Nam. Ngoài những hoạt động trên, VNM vẫn còn thường xuyên tham gia các hoạt động từ thiện do các tổ chức khác như hỗ trợ Đồng bào lũ lụt, cơn bão số 6 tàn phá Miền Trung (dành hơn 1 tỷ đồng từ ngân sách và quỹ phúc lợi) và gần đây nhất là tài trợ 500 triệu đồng cho xây dựng cầu Chôm Lôm – Nghệ An, thông qua Ban liên lạc Báo Tiền Phong và ủng hộ 500 triệu cho việc khắc phục cơn bão đă tàn phá các Tỉnh Bên Tre, Tiền Giang, Vĩnh Long,...

Với chiến lược tiếp cận khách hàng thường xuyên và thân thiện hơn, Vinamilk đang và sẽ có thêm nhiều chương trình hướng tới cộng đồng, mang lại nhiều lợi ích hơn cho cộng đồng trong tương lai.



| Thành công gồm 1 phần nguồn cảm hứng
và 99 phần tự thân nỗ lực |

Ngạn ngữ Nga



SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY



CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY

**Luôn thỏa mãn khách hàng bằng những sản phẩm
đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, ngày càng đa dạng
và dịch vụ tốt nhất với giá cả cạnh tranh hợp lý.**



A. NHÓM SỮA BỘT – BỘT DINH DƯỠNG

1. SỮA BỘT:

Bao gồm các dòng sản phẩm sữa bột dành cho trẻ em, sữa bột dành cho bà mẹ trong giai đoạn mang thai và cho con bú, sữa bột canxi và sữa bột dinh dưỡng đặc biệt dành cho người lớn tuổi. Các nhãn hiệu: Dielac, Dielac Mamma, Dielac Alpha, Dielac Star, Dielac Canxi Premier 2000, Dielac SURE.

2. BỘT DINH DƯỠNG:

- Bao gồm các sản phẩm bột dinh dưỡng với nhiều mùi vị dành cho bé ăn dặm trong độ tuổi 6-24 tháng tuổi.
- Bột dinh dưỡng truyền thống Ridielac được đặc chế theo công nghệ dinh dưỡng MAX-4D với sự kết hợp của nguồn sữa bò dinh dưỡng, thực phẩm tươi ngon từ thiên nhiên, bổ sung vitamin, khoáng chất, giúp bé yêu ngon miệng, hấp thu tối đa để phát triển toàn diện.
- Bột dinh dưỡng Ri-advance được bổ sung các dưỡng chất như DHA, Inulin, I ôt, Sắt, Vitamin...phù hợp theo từng giai đoạn phát triển của bé.

B. NHÓM SỮA ĐẶC CÓ ĐƯỜNG

Sữa đặc có đường được chia thành hai dạng: sữa hộp và sữa vỉ 50g để thuận tiện cho người tiêu dùng.

Đây là nhóm sản phẩm truyền thống của Vinamilk với các nhãn hiệu như: Ông Thọ, Ngôi Sao Phương Nam



1. NHÓM TIÊU DÙNG TẠI NHÀ

Sử dụng sản phẩm sữa đặc có đường Ông Thọ mang lại cho bạn, và gia đình bạn nhiều giá trị dinh dưỡng : Kcal, Đạm, Canxi khi uống nóng, dùng với bánh mì hoặc pha chè thành món ăn thức uống : Bánh chuối, bánh khoai môn, bánh chuối, cacao sữa, cà phê sữa....

2. NHÓM TIÊU DÙNG LÀ CHỦ QUÁN

Sử dụng sản phẩm sữa đặc có đường Ngôi Sao Phương Nam đem lại cho bạn nhiều lợi nhuận, đồng thời chè biền những món ăn, thức uống từ sữa Ngôi Sao Phương Nam sẽ góp phần làm tăng thêm khẩu vị khi thưởng thức. Đặc biệt rất thích hợp khi pha cà phê , làm ly cà phê sẽ thơm ngon đậm đà và sành điệu hơn bao giờ hết.



C. NHÓM SỮA TƯƠI

1. SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG VINAMILK

Bắt đầu một ngày thật khỏe mạnh với sữa tươi tiệt trùng Vinamilk, cung cấp đầy đủ các vitamin và khoáng chất cần thiết cho sức khỏe và sự phát triển của cả gia đình.

Tinh khiết từ thiên nhiên, những điều tốt lành đèn với bạn mỗi ngày một cách thật dễ dàng và đơn giản.

Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk được đóng trong bao bì Hộp giây 200ml, 250ml thích hợp trẻ em và người lớn, Hộp giây 1 lít thích hợp cho việc sử dụng trong gia đình, trong nhà hàng, khách sạn

...



2. SỮA TIỆT TRÙNG VINAMILK

Sữa tiệt trùng VINAMILK được sản xuất từ nguồn sữa bò tươi nguyên chất và nguồn nguyên liệu cao cấp nhập khẩu. Do vậy, sữa tiệt trùng VINAMILK không những giữ được hương thơm tự nhiên của sữa mà còn chứa đầy đủ các vitamin và khoáng chất, đặc biệt là giàu Canxi sữa dễ hấp thu.

- Sữa tiệt trùng Vinamilk cân đối tự nhiên về thành phần dinh dưỡng, cần thiết cho sức khỏe và sự phát triển của cả gia đình.
- Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền được chứng nhận quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm (HACCP) theo tiêu chuẩn RVA của Hà Lan.
- Sữa tiệt trùng VINAMILK có nhiều loại bao bì với các dung tích khác nhau phù hợp với mọi đối tượng tiêu dùng: gia đình, trẻ em người lớn và các quán giải khát.
- Sữa tiệt trùng Vinamilk hộp 250ml, 200ml: Không đường, Có đường, Dâu và Chocolate năng động và tiện dụng phù hợp cho mọi lứa tuổi.
- Sữa tiệt trùng Vinamilk hộp 110ml: Có đường, Dâu và Chocolate tiện dụng đối với trẻ em từ 3 - 8 tuổi.
- Sữa tiệt trùng Vinamilk bịch Fino 250ml và 200ml: Không đường, Có đường, Dâu, Chocolate thuận tiện và kinh tế, thích hợp với nhu cầu sử dụng tại gia đình và quán giải khát.

3. SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG MILK

Sữa tươi tiệt trùng MILK được sản xuất từ sữa bò tươi nguyên chất, giàu vitamin và khoáng chất. Hàm lượng canxi trong sữa với tỉ lệ D/Ca tối ưu giúp chiều cao phát triển tốt nhất.

Đặc biệt sữa tươi tiệt trùng Milk được chè biến theo công thức độc quyền EnerMAX, Công thức EnerMAX là sự phôi hợp các vitamin và khoáng chất trong sữa giúp cân bằng năng lượng và tối ưu hóa tỉ lệ các vitamin cần thiết.

Sữa tươi tiệt trùng Milk được xử lý bằng phương pháp tiệt trùng UHT và không sử dụng chất bảo quản.

Sữa tươi tiệt trùng MILK được đóng trong hộp giấy Tetra Pak 200ml Slim gồm 4 hương vị: không đường, có đường, dâu và sôcôla thích hợp với trẻ em 4-12 tuổi.



5. SỮA TIỆT TRÙNG FLEX:

Sữa tiệt trùng Flex được sản xuất theo công thức đặc biệt dành cho trẻ em đang lớn, người trưởng thành và những người lớn tuổi có nhu cầu dinh dưỡng nhưng cần hạn chế chất béo để chống chừng mập phì. Đặc biệt với hàm lượng canxi cao được bổ sung trong sữa sẽ giúp cho xương phát triển ở trẻ em, vững chắc ở người lớn và ngăn ngừa bệnh loãng xương ở người lớn tuổi.

Sữa tiệt trùng Flex có 2 flavors: Đường và không đường được đóng gói trong các bao bì 1 lít và 180ml rất tiện dụng

4. SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG SMART:

Smart được sản xuất từ nguồn sữa tươi thơm ngon giàu dinh dưỡng và canxi.

Đặc biệt Smart được bổ sung thêm DHA giúp phát triển não, võng mạc mắt, làm nền tảng cho sự phát triển trí thông minh.

Hàm lượng canxi trong Smart với tỉ lệ D/Ca tối ưu giúp chiều cao phát triển tốt nhất

Smart được đóng trong bao bì hộp giấy 110ml rất tiện dụng.





SỮA CHUA UỐNG

1. YOMILK:

Sữa chua uống Yomilk được tạo thành từ sữa đã được lên men kết hợp với nước ép trái cây tươi nguyên chất rất bổ dưỡng cho sức khỏe và làn da của bạn.

Yomilk là một loại thức uống thức uống thơm ngon và giàu dinh dưỡng giúp bạn khỏe khoắn, năng động và sáng khoái.

Yomilk giúp bạn luôn có được dáng vẻ cân đối, làn da tươi tắn và tinh thần thoái mái.

Sữa chua uống Yomilk có mùi vị và chủng loại bao bì đa dạng rất phù hợp cho các bạn tuổi teen thích giao du, đầy nhiệt tình và giàu trí tưởng tượng.

- Hộp 150ml: Cam, Dâu và Trái cây. Kiểu dáng bao bì hoàn toàn mới lạ, trẻ trung, hiện đại.
- Hộp 180ml: Cam, Dâu và Trái cây. Kiểu dáng bao bì truyền thống nhưng được thiết kế theo phong cách trẻ trung, hiện đại.

2. SUSU:

Sữa chua uống SuSu được tạo thành từ sữa đã được lên men kết hợp với nước ép trái cây tươi nguyên chất rất bổ dưỡng cho sức khỏe và hệ tiêu hóa của bé.

Mùi vị: Cam, Dâu, Trái cây

Bao bì: hộp UHT 65ml

- SuSu là một loại thức uống thơm ngon và giàu dinh dưỡng được tạo thành từ sữa đã được lên men kết hợp với nước ép trái cây tươi nguyên chất. Sữa chua uống SuSu rất tốt cho sức khỏe và hệ tiêu hóa của bé.

- Sữa chua uống SuSu thơm ngon, bổ dưỡng mang đến sức khỏe và năng lượng cho các hoạt động vui chơi và học tập của bé.

Sữa chua uống SuSu có 03 mùi vị: Cam, Dâu, Trái cây

Sữa chua uống SuSu được đóng gói trong bao bì kiểu dáng hiện đại TCA 65 ml

SuSu hoàn toàn phù hợp cho các bé từ 03 – 08 tuổi.

D. NHÓM HÀNG ĐÔNG LẠNH

1. SỮA CHUA

Là sản phẩm đứng đầu thị trường với trên 80% thị phần, sữa chua Vinamilk được làm từ men vi sinh sống với các loại men nổi tiếng từ châu Âu: men Lactobacillus Bulgaricus, Men Kefir rất tốt cho hệ tiêu hóa. Sữa chua VINAMILK rất đa dạng và đáp ứng các nhu cầu của người tiêu dùng. Sữa chua Vinamilk thông dụng: sữa chua có đường, sữa chua trái cây và sữa chua dâu. Các loại sữa chua bổ sung chức năng: sữa chua Plus giàu canxi, bổ sung chất xơ và ít béo thích hợp với những người có cuộc sống năng động và bận rộn; sữa chua kefir không đường với men kefir. Nhãn hiệu: sữa chua VINAMILK, VINAMILK Plus, VINAMILK Kefir.



2. KEM

Kem Vinamilk nổi tiếng về vị ngon. Kem VINAMILK bao gồm kem hộp 1 lít, 450ml dành cho gia đình, kem ly và kem cây thích hợp với nhu cầu của gia đình cũng như cá nhân hoặc trẻ em
Nhãn hiệu: VINAMILK.

3. FROMAGE

Phô mai VINAMILK được chè biền trên dây chuyền của Pháp được đóng hộp trong hộp 140 gram rất tiện dụng. Phô mai VINAMILK giàu năng lượng và canxi, giúp trẻ em phát triển toàn diện về trí tuệ cũng như chiều cao.



NHÓM GIẢI KHÁT

1. SỮA ĐẬU NÀNH

Không có cholesterol, được đóng trong hộp 1 lít, 200ml và bịch giày tiện dụng. Soya rất thích hợp với người có ăn kiêng, phụ nữ và người lớn tuổi.



2. NƯỚC ÉP TRÁI CÂY

Nước trái cây Fresh của Vinamilk là loại nước trái cây đóng hộp hàng đầu tại Việt Nam. Nước trái cây Fresh được chế biến từ trái cây tươi và có hàm lượng nước trái cây nguyên chất rất cao 40-99%. Nước trái cây Fresh có nhiều loại cho khách hàng sự lựa chọn dễ dàng: Cam, Đào, Táo, Ổi, Cà chua, Nho...

Nước trái cây Fresh là một thức uống giải khát và bổ dưỡng giúp bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng, phòng chống lão hóa. Fresh đem đến cho bạn cảm giác sảng khoái và yêu đời.



Các sản phẩm thuộc nhóm đông lạnh đều được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại theo qui trình tiêu chuẩn an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm quốc tế HACCP và được phân phối trên toàn quốc thông qua hệ thống các cửa hàng, siêu thị và các điểm bán lẻ...



3. NƯỚC TINH KHIẾT ICY

Nước tinh khiết nhãn hiệu ICY đã có chai 500ml và bình lớn 19 lít. Nước uống đóng chai ICY được đóng chai từ nguồn nước ngầm được xử lý đặc biệt sản xuất theo công nghệ thẩm thấu ngược, khử trùng bằng Ozon và tia cực tím, trả lại vị ngọt cho nước và đem đến cho bạn sức sống từ thiên nhiên.

E. NHÓM CÀ PHÊ



CÀ PHÊ MOMENT

Thương hiệu cà phê 100% nguyên chất.

Sản phẩm cafe Moment được sản xuất và chắt lọc từ những hạt cà phê thượng hạng kết hợp với công nghệ rang, xay hiện đại nên có hương vị thơm, ngon riêng của cà phê tự nhiên. Cafe Moment được đóng gói trong hộp thiếc (loại 340g) sang trọng, và túi nhôm (loại 200g, 500g) rất thuận tiện, kinh tế trong sử dụng, được phân phối rộng rãi trên toàn quốc.

Sản phẩm mới Cafe moment của Vinamilk đã đánh dấu thêm một bước phát triển của Công ty trong việc đa dạng hóa các dòng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng Việt Nam.



Bầu trời vẫn cứ cao và xanh
dù bạn ở bất cứ nơi đâu

Ngạn ngữ Ba Tư



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006

MỤC LỤC

Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kê toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	12

Đơn vị kiểm toán

PRICEWATERHOUSECOOPERS 

PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Ltd.

4th Floor, Saigon Tower, 29 Le Duan Street, District 1

Ho Chi Minh City, Vietnam

Telephone: (84-8) 823 0796

Facsimile: (84-8) 825 1947

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Hội đồng Quản trị	Bà Mai Kiều Liên Ông Hoàng Nguyên Hộc Bà Ngô Thị Thu Trang Ông Dominic Scriven Ông Huang Hong Peng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Bà Mai Kiều Liên Bà Nguyễn Thị Thanh Hòe Bà Nguyễn Thị Như Hằng Bà Ngô Thị Thu Trang Ông Trần Minh Văn Ông Trần Bảo Minh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2006) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/10/2006)
Trụ sở chính	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	
Giấy phép đăng ký kinh doanh	Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932 ngày 20/11/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kêt thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Chúng tôi, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chè độ kê toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 38. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kêt thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kê toán Việt Nam, Hệ thống Kê toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Mai Kiều Liên

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 12 tháng 3 năm 2007

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt nam và các qui định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đồng với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc Công ty soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong niên độ kêt thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.



Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chữ ký được ủy quyền



Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM1289
Ngày 12 tháng 3 năm 2007

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2006	2005
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.996.391	2.406.477
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	156.895	500.312
111	Tiền		156.195	130.312
112	Các khoản tương đương tiền		700	370.000
120	Các khoản đầu tư ngắn hạn	4(a)	306.730	22.800
121	Đầu tư ngắn hạn		308.430	22.800
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.700)	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		511.623	706.166
131	Phải thu khách hàng		393.898	382.596
132	Trả trước cho người bán		83.172	76.804
135	Các khoản phải thu khác	5	37.218	249.130
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.665)	(2.364)
140	Hàng tồn kho	6	965.826	1.081.501
141	Hàng tồn kho		980.367	1.081.501
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.541)	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		55.317	95.698
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		22.673	26.764
152	Thuê GTGT được khâu trừ		7.253	2.692
154	Thuê và các khoản phải thu Nhà nước	7	24.403	23.808
158	Tài sản ngắn hạn khác		988	42.434
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.613.012	1.491.459
210	Các khoản phải thu dài hạn		860	4.018
218	Phải thu dài hạn khác		860	4.018
220	Tài sản cố định		1.071.980	757.373
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	746.661	558.790
222	Nguyên giá		1.573.284	1.285.280
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(826.623)	(726.490)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	9.141	9.264
228	Nguyên giá		21.504	21.003
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.363)	(11.739)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8(c)	316.178	189.319

* Các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 12 đến trang 38 là một phần không tách rời của các báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: Triệu đồng

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	2006	2005
250	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN		422.771	609.960
252	Đầu tư vào công ty liên kêt, liên doanh	4(b)	131.571	15.605
258	Đầu tư dài hạn khác	4(c)	291.200	594.355
260	TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC		117.401	120.108
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	117.296	117.224
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	14	-	2.884
268	Tài sản dài hạn khác		105	-
270	TỔNG TÀI SẢN		3.609.403	3.897.936

* Các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 12 đến trang 38 là một phần
không tách rời của các báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN (tiếp theo)**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	2006	2005
300	NỢ PHẢI TRẢ		874.665	1.651.018
310	Nợ ngắn hạn		785.525	1.579.433
311	Nợ dài hạn đền hạn trả	10	17.883	12.263
312	Phải trả người bán		436.869	260.885
313	Người mua trả tiền trước		2.350	575
314	Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	11	33.589	19.118
315	Phải trả người lao động		30.118	126.808
316	Chi phí phải trả	12	125.821	62.062
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	138.895	1.097.722
330	NỢ DÀI HẠN		89.140	71.585
331	Phải trả cho người bán dài hạn		41.235	59.462
333	Phải trả dài hạn khác		2.700	-
334	Vay và nợ dài hạn	10	42.345	10.410
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		2.860	1.713
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.734.738	2.246.918
410	Vốn chủ sở hữu		2.669.912	2.154.586
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	1.590.000	1.590.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	16	54.217	54.217
417	Quỹ đầu tư phát triển	16,17	590.245	113.263
418	Quỹ dự phòng tài chính	16,17	93.211	56.632
420	Lợi nhuận sau thuê chưa phân phài	16,17	342.239	340.474
430	NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC		64.826	92.332
431	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16,17	64.826	92.206
432	Nguồn kinh phí	16,17	-	126
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.609.403	3.897.936

* Các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 12 đến trang 38 là một phần
không tách rời của các báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 01 - DN

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006**

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (Triệu đồng)	4.602	4.656
Nợ khó đòi đã xử lý (Triệu đồng)	239	30
Ngoại tệ các loại:		
USD	3.239.052	1.857.901
EUR	4.771	984
AUD	-	481



Lê Thành Liêm

Kế toán trưởng



Mai Kiều Liên

Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2007

* Các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 12 đến trang 38 là một phần không tách rời của các báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 02 - DN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006

Đơn vị tính: Triệu đồng

Mã số	Thuyết minh	2006	2005
01	DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	6.662.923	5.659.290
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(43.821)	(20.506)
10	DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	20(a) 6.619.102	5.638.784
11	GIÁ VỐN HÀNG BÁN	21 (5.012.632)	(4.379.796)
20	LỢI NHUẬN GỘP VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	1.606.470	1.258.988
21	Doanh thu hoạt động tài chính	20(b) 74.253	55.373
22	Chi phí tài chính	22 (40.002)	(19.988)
	Trong đó: chi phí lãi vay	(21.192)	(10.030)
24	Chi phí bán hàng	(899.396)	(654.102)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23 (112.888)	(80.438)
30	LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	628.437	559.833
40	THU NHẬP KHÁC	24 106.032	42.767
50	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	734.469	602.600
51	CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	25 -	-
52	CHI PHÍ THUẾ TNDN HOÀN LẠI	14 (2.884)	2.884
60	LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN	731.585	605.484
70	LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	19 4.601	3.816

Lê Thành Liêm

Kế toán trưởng

**Mai Kiều Liên**

Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2007

* Các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 12 đến trang 38 là một phần
không tách rời của các báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 03 - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Mã số		2006	2005
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	734.469	602.600
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
02	Khâu hao tài sản cố định	101.225	77.636
03	Các khoản dự phòng	16.542	(1.673)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.249	1.191
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(54.835)	(51.263)
06	Chi phí lãi vay	21.192	10.030
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	820.842	638.521
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	205.551	(336.168)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	125.446	(287.452)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(580.520)	650.594
12	Tăng/(giảm) chi phí trả trước	4.019	(62.451)
13	Tiền lãi vay đã trả	(21.192)	(9.999)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51.139	5.092
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(105.814)	(24.482)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	499.471	573.655
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua, xây dựng TSCĐ	(609.510)	(242.088)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	1.798
23	Tiền chi cho hoạt động đầu tư chứng khoán	(904.974)	(525.154)
24	Tiền thu hồi bán lại chứng khoán đầu tư	965.586	339.931
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(129.440)	(32.028)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	22.460	14.047
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	66.475	56.905
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(589.403)	(386.589)

* Các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 12 đến trang 38 là một phần
không tách rời của các báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006
(Theo phương pháp gián tiếp - Tiếp theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Mã số	Thuyết minh	2006	2005
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-	64.990
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.051.565	567.384
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.014.011)	(585.954)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(290.974)	(247.678)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(253.420)	(201.258)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(343.352)	(14.192)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	500.312
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(65)	(1.191)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	156.895
			500.312

Lê Thành Liêm

Kế toán trưởng



Mai Kiều Liên

Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2007

* Các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 12 đến trang 38 là một phần
không tách rời của các báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty" hoặc "Vinamilk") được thành lập ban đầu do Quyết định số 420/CNN/TCLD ngày 29 tháng 4 năm 1993 theo loại hình doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 1 tháng 10 năm 2003, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 155/2003/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp. Ngày 20 tháng 11 năm 2003, Công ty đăng ký trở thành một công ty cổ phần hoạt động theo luật doanh nghiệp Việt Nam; giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 19 tháng 1 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPNY do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2005.

Trong năm 2006, phần vốn Nhà nước có tỷ lệ là 50.01% do Bộ Công nghiệp nắm giữ đã được chuyển cho cổ đông đại diện Nhà nước là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước.

Hoạt động chủ yếu của Công ty

- Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, sữa tươi, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất, nguyên liệu;
- Kinh doanh nhà, môi giới, cho thuê bất động sản;
- Kinh doanh kho, bến bãi, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chè biền, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan;
- Sản xuất và mua bán bao bì, in trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa; và
- Phòng khám đa khoa.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty có các đơn vị phụ thuộc là 3 chi nhánh, 8 nhà máy, 1 xí nghiệp kho vận và một phòng khám đa khoa. Tất cả các đơn vị nêu trên đều là các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Trong tháng 12 năm 2006, Công ty đã thành lập hai công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ để kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản và chăn nuôi bò sữa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, cả hai công ty con này vẫn chưa đi vào hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty có 3.981 nhân viên (năm 2005: 3.158 nhân viên).

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1. Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc.

Tại thời điểm lập báo cáo, 2 công ty con chưa được bàn giao vốn và cũng chưa bắt đầu hoạt động. Do các nghiệp vụ kê toán của các công ty con phát sinh là không đáng kể nên Công ty không lập Báo cáo Tài chính Hợp nhất.

Mẫu số B 09 - DN**2.1. Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhầm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kê toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kê toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kê toán tại các nước và các thể chế khác.

Trong năm 2006, Công ty đã áp dụng lần đầu tiên các Chuẩn mực Kê toán Việt Nam sau đây:

Chuẩn mực 18: Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng

Chuẩn mực 30: Lãi trên cổ phiếu

Việc áp dụng các chuẩn mực mới này được trình bày trong những chính sách kế toán dưới đây.

2.2 Niên độ kê toán

Niên độ kê toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kê toán

Các báo cáo tài chính được thể hiện bằng Triệu đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kê toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kê toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kê toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của chính Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, được trừ vào vốn chủ sở hữu đến khi các cổ phiếu quỹ được hủy bỏ hoặc được tái phát hành. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

2.7. Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của ban giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chè biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể được bán trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiêm khuyết.

2.9. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kê toán.

(b) Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày theo giá gốc.

(c) Đầu tư vào các công ty liên doanh và liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh và liên kết được trình bày theo giá gốc.

(d) Đầu tư tài chính dài hạn

(i) Tiền gửi dài hạn

Tiền gửi dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tính từ ngày đầu tiên, và đáo hạn sau một năm tính từ ngày của bảng cân đối kê toán.

(ii) Đầu tư trái phiếu

Đầu tư trái phiếu được trình bày theo giá gốc, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày báo cáo tài chính.

(iii) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn là các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế niêm yết hoặc không niêm yết, được hạch toán theo giá gốc, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của báo cáo tài chính.

Mẫu số B 09 - DN**2.10. Tài sản cố định****Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kê. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thu đắc tài sản cố định.

Khâu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Công ty áp dụng các tỉ lệ khấu hao như sau:

Năm	
Nhà và vật kiên trúc	10 - 50
Nhà xưởng và máy móc thiết bị	10
Xe cộ	10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phần mềm	2 - 3

Công ty sở hữu quyền sử dụng đất vô thời hạn. Công ty ngưng trích khấu hao quyền sử dụng đất từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kêt quả hoạt động kinh doanh.

2.11. Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kêt quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12. Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kêt quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13. Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kêt quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yêu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

2.13. Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu gia công

Doanh thu hoạt động gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa đã được gia công và đã được bên chủ hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận khi có yêu cầu không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền gia công.

(c) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(e) Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong kỳ kê toán khi bên được đầu tư công bố chia cổ tức.

2.14 Thuê thu nhập hoãn lại

Thuê thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuê của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuê thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kê toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuê thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuê thu nhập hoãn lại được tính theo thuê suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuê suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kê toán.

Tài sản thuê thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chứng mục có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuê có thể có được trong tương lai.

Tài sản thuê thu nhập hoãn lại liên quan tới các khoản chuyển lỗ tính thuê được ghi nhận tới chứng mục mà khả năng thực hiện được các lợi ích về thuê đối với lợi nhuận chịu thuê trong tương lai là khả thi.

2.15 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuê của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của luật pháp Việt Nam.

Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước lượng đạt được. Số cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên.

2.16. Phương pháp trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập dựa theo Điều lệ của Công ty như sau:

Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ phúc lợi, khen thưởng	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế

Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của Đại hội Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào bản chất của nghiệp vụ đã được nêu trong điều lệ và quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2.17. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp- kể cả công ty mẹ, công ty con- các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.18. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ- pháp lý hoặc liên đới- hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; Có thể đưa ra sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.19. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam nhân viên của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoảng thời gian làm việc cho Công ty tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Công ty đang trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc căn cứ vào Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ và theo hướng dẫn của Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính, với mức trích lập hàng năm bằng 3% của quỹ tiền lương làm cơ sở tính bảo hiểm xã hội.

Mẫu số B 09 - DN

2.20. Báo cáo bộ phận kinh doanh

Công ty xác định báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý, theo sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế trong các môi trường kinh doanh. Trong các giai đoạn báo cáo này, Công ty trình bày báo cáo bộ phận kinh doanh theo hai khu vực địa lý: thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG DƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Tiền mặt	1.456	1.457
Tiền gửi ngân hàng	143.870	116.300
Tiền đang chuyển	10.869	12.555
Tiền gửi ngắn hạn	700	370.000
	156.895	500.312

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thuyết minh	2006	2005
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(i) 191.959	-
Tiền gửi ngắn hạn	- 22.800	22.800
Cho Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam vay	(ii) 116.471	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(i) (1.700)	-
	306.730	22.800

(i) Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các loại chứng khoán của các công ty chưa niêm yết và đã niêm yết trên thị trường chứng khoán và chứng khoán của một quỹ đầu tư đã niêm yết trên thị trường chứng khoán. Trong số này có một số chứng khoán đã được niêm yết trên thị trường chứng khoán trị giá 60.184 triệu đồng đã được Công ty thỏa thuận chuyển nhượng cho một bên thứ ba. Công ty đã nhận trước 60.786 triệu đồng từ bên thứ ba như là khoản thanh toán cho việc chuyển nhượng. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 việc chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất nên Công ty vẫn còn quyền sở hữu đối với số chứng khoán này, đồng thời có một nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty cũng đã ghi nhận một khoản phải trả cho bên thứ ba này cho đến khi quyền sở hữu được chuyển nhượng (Thuyết minh 13(b)).

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư là phần giá trị bị tổn thất do các loại chứng khoán đầu tư của doanh nghiệp bị giảm giá.

(ii) Trong năm 2006, Công ty đã cho công ty liên doanh SABMiller Việt Nam vay 116.471 triệu đồng không tính lãi trong thời hạn 12 tháng theo điều khoản của hợp đồng liên doanh với SABMiller B.V (Thuyết minh 30(a)).

Mẫu số B 09 - DN

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thuyết minh	2006	2005
Công ty liên doanh SABMILLER Việt Nam	(i)	108.047	-
Công ty liên doanh Campina	(ii)	18.624	10.705
Dự án Horizon Apartment	(iii)	4.900	4.900
		131.571	15.605

(i) Công ty liên doanh SABMiller Việt Nam (SABMiller)

SABMiller sản xuất các sản phẩm từ bia. Công ty sở hữu 50% phần góp vốn pháp định của liên doanh.

SABMiller có vốn đầu tư ban đầu là 45 triệu đô la Mỹ với 13,5 triệu đô la Mỹ là vốn góp pháp định. Số tiền 108.047 triệu đồng thể hiện phần vốn góp pháp định của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, SABMiller vẫn đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

(ii) Công ty liên doanh Campina (Campina)

Campina sản xuất các sản phẩm từ sữa. Công ty sở hữu 50% phần góp vốn pháp định của liên doanh.

Công ty đã đầu tư vào Campina tổng cộng 31.798 triệu đồng trong đó bao gồm khoản cho vay 13.124 triệu đồng từ năm trước (Thuyết minh 5) và khoản giải ngân bổ sung 7.969 triệu đồng trong năm 2006 đã được chuyển thành khoản tăng vốn góp pháp định. Vào tháng 1 năm 2007, Công ty đã thỏa thuận việc bán lại phần vốn góp của Công ty vào Campina cho bên đối tác liên doanh nước ngoài với giá 18.624 triệu đồng (Thuyết minh 32(a)). Tương ứng, Công ty đã ghi nhận số lỗ 13.174 triệu đồng đối với khoản đầu tư này trong năm 2006 (Thuyết minh 22).

(iii) Dự án Horizon Apartment

Vào ngày 7 tháng 6 năm 2004, Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1 ("FICO") và Công ty cổ phần Tài trợ địa ốc R.C ("Refico") cho việc xây dựng, quản lý, tiếp thị và điều hành dự án căn hộ Horizon Tower với tổng số vốn đầu tư dự kiến là 285.000 triệu đồng. Tỉ lệ góp vốn của Công ty trong dự án này là 24,5% (Thuyết minh 30(b)). Tiền độ góp vốn của Công ty trong dự án này thay đổi theo nhu cầu và tiến độ của dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 dự án đang trong giai đoạn xây dựng ban đầu.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thuyết minh	2006	2005
Tiền gửi dài hạn	(i) 170.000	492.000
Trái phiếu	(ii) 11.050	53.055
Các khoản đầu tư dài hạn khác	(iii) 110.150	49.300
	291.200	594.355

(i) Tiền gửi dài hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu dài hơn 3 tháng và có ngày đáo hạn quá 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán.

(ii) Trái phiếu

Bao gồm Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu của một công ty đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, có thời hạn đáo hạn từ 3 đến 5 năm tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Lãi suất trái phiếu từ 8% đến 9,5% một năm.

(iii) Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư vào vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và một quỹ đầu tư đã niêm yết trên thị trường chứng khoán. Công ty không có ý định bán chuyển nhượng các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Phải thu từ công nhân viên (Thuyết minh 15)	12.617	203.734
Phải thu từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	8.737	11.444
Cho Campina vay	-	13.124
Lãi tiền gửi	1.267	5.606
Phải thu khác	14.597	15.222
	37.218	249.130

Trong năm, khoản cho Campina vay đã được chuyển thành khoản góp vốn pháp định nên được Công ty phân loại là khoản đầu tư vào Campina (Thuyết minh 4(b)(ii)).

Số tiền 42.434 triệu đồng mang tính so sánh của năm 2005 đã được tái phân loại sang tài khoản "Tài sản ngắn hạn khác" để phù hợp với số liệu được trình bày trong năm nay.

Mẫu số B 09 - DN

6. HÀNG TỒN KHO*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	2006	2005
Hàng mua đang đỗ trên đường	75.331	166.432
Nguyên vật liệu tồn kho	720.496	711.336
Công cụ, dụng cụ trong kho	12.946	714
Hàng hóa tồn kho	4.418	5.291
Thành phẩm tồn kho	167.176	197.728
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.541)	-
	965.826	1.081.501

Bao gồm trong nguyên vật liệu tồn kho có 24.311 triệu đồng là máy móc, thiết bị mới mua chưa được lắp đặt (năm 2005: 30.593 triệu đồng).

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	2006	2005
Thuê thu nhập doanh nghiệp nộp thửa (Thuyết minh 13(a))	23.808	23.808
Phải thu khác	595	-
	24.403	23.808

Sô tiền 2.692 triệu đồng của năm 2005 đã được phân loại lại từ khoản “Phải thu khác” sang khoản “Thuê GTGT được khấu trừ” (Thuyết minh 11) để phù hợp việc trình bày thông tin mang tính so sánh trong năm.

8. TÀI SẢN CÔNG ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nhà và vật kiến trúc	Nhà xưởng và máy móc thiết bị	Xe cộ	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	190.230	948.503	110.406	36.141	1.285.280
Mua trong năm	1.011	6.283	9.984	58.538	75.816
Chuyển vào từ XDCB dở dang	56.164	156.529	-	-	212.693
Thanh lý, nhượng bán	-	(182)	(258)	(65)	(505)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	247.405	1.111.133	120.132	94.614	1.573.284
KHẨU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	97.159	545.379	64.385	19.567	726.490
Khâu hao trong năm	8.074	76.015	7.595	8.917	100.601
Thanh lý, nhượng bán	-	(182)	(258)	(28)	(468)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	105.233	621.212	71.722	28.456	826.623
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	93.071	403.124	46.021	16.574	558.790
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	142.172	489.921	48.410	66.158	746.661

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, một số tài sản cố định với giá trị còn lại là 43.970 triệu đồng (2005: 50.538 triệu đồng) đã được thê chêp cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh 10(a)(i)).

Tổng chi phí lãi vay đã được vân hóa trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 là 1.570 triệu đồng (năm 2005: Không).

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 528.080 triệu đồng (2005: 380.642 triệu đồng).

Mẫu số B 09 - DN

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	19.900	1.103	21.003
Mua trong năm		501	501
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	19.900	1.604	21.504
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	11.608	131	11.739
Khâu hao trong năm		624	624
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	11.608	755	12.363
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	8.292	972	9.264
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	8.292	849	9.141

Công ty ngừng trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Sô đầu năm		
Tăng	659.396	232.154
Chuyển vào do sáp nhập doanh nghiệp	-	18.304
Chuyển sang tài sản cố định	(212.693)	(160.839)
Tái phân loại	-	(37.328)
Bán tài sản cho SABMiller (Thuyết minh 20(a))	(310.817)	-
Kết chuyển vào chi phí sửa chữa	(9.027)	(1.979)
Sô cuối năm	316.178	189.319

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)

Bao gồm trong chi phí xây dựng dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 có:

- (i) Số tiền 54.017 triệu đồng là giá trị tài sản do Công ty đã mua trong tháng 12 năm 2006 thông qua cuộc đấu giá do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tuyên Quang tổ chức. Tài sản gồm bò, bê, và cơ sở vật chất sẽ được Công ty chuyển giao trong năm 2007 cho công ty con mới được thành lập.
- (ii) Thiết bị của dây chuyền nhà máy sữa Tiên Sơn 28.907 triệu đồng.
- (iii) Dây chuyền vô hộp, đóng thùng, dán nhãn 28.092 triệu đồng.
- (iv) Dây chuyền sản xuất lon thiếc 61.998 triệu đồng.
- (v) Máy rót sữa 27.730 triệu đồng.
- (vi) Cơ sở hạ tầng cho nhà máy tại khu Công nghiệp Mỹ Phước 20.159 triệu đồng.
- (vii) Hệ thống ERP 14.079 triệu đồng.

Dây chuyền sản xuất lon thiếc 61.998 triệu đồng sẽ được thuê chung cho khoản vay dài hạn sau khi việc lắp đặt hoàn thành (Thuyết minh 10(a)(ii)).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Số đầu năm	117.224	45.974
Tăng	25.781	109.023
Phân bổ trong năm	(1.468)	(18.159)
Bán tài sản cho SABMiller (Thuyết minh 20(a))	(21.934)	-
	119.603	136.838
Trừ: phân bổ trong vòng một năm	(2.307)	(19.614)
Số cuối năm	117.296	117.224

Chi phí trả trước dài hạn là các khoản liên quan đến việc thuê đất. Số dư này bao gồm 64.294 triệu đồng tiền đền bù giải phóng mặt bằng do thuê lại quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Mỹ Phước, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê bắt đầu từ tháng 1 năm 2005 đến tháng 6 năm 2052.

Mẫu số B 09 - DN

10. CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN**Vay và nợ dài hạn***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Thiết minh	2006	2005
Vay hợp vốn	[a]	59.817
Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định	[b]	411
		60.228
Trừ: Nợ dài hạn đền hạn trả		(17.883)
		42.345
		20.000
		2.673
		22.673
		(12.263)
		10.410

(a) Khoản vay hợp vốn bao gồm:

(i) Hợp đồng vay hợp vốn dài hạn ký năm 2003 với Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (35%) và các ngân hàng trong nước (65%) để tài trợ cho dự án xây dựng mới nhà máy chè biền sữa và mua thiết bị của Công ty Cổ phần Sữa Sài Gòn, công ty này sau đó được sát nhập vào Công ty trong năm 2004. Khoản vay được trả theo hằng quý bắt đầu từ tháng 1 năm 2004 đến tháng 11 năm 2007. Lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bình quân tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, cộng 1% một năm. Khoản vay được thê chép bằng tài sản cố định hình thành từ vay. Số nợ vay còn lại 10.000 triệu đồng sẽ đền hạn trong năm 2007.

(ii) Hợp đồng vay hợp vốn dài hạn ký với Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (40%) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (60%) để tài trợ cho dự án lắp đặt dây chuyền đóng hộp sữa đặc có đường tại nhà máy sữa Thông Nhât. Khoản vay được trả theo hằng quý trong vòng 5 năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2007. Lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với 2,4% một năm. Khoản vay được bảo đảm bằng Hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản cố định hình thành từ vay đang trong thời gian lắp đặt cho đến khi hoàn thành; khi hoàn thành các tài sản này sẽ được dùng làm tài sản thê chép cho khoản vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, số dư nợ là 7.472 triệu đồng được phân loại là nợ dài hạn đền hạn trả.

(b) Đây là hợp đồng vay có thời hạn 21 tháng, ký kết trong tháng 7 năm 2005 để đầu tư nhà xưởng. Lãi suất vay là 4,2% một năm hoàn trả trong 7 phân kỳ, bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2005. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, số dư nợ là 411 triệu đồng sẽ đền hạn trong năm 2007.

Mẫu số B 09 - DN**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Thuê GTGT hàng bán nội địa	11.694	10.934
Thuê GTGT hàng nhập khẩu	7.204	2.692
Thuê xuất, nhập khẩu	6.153	5.210
Thuê thu nhập cá nhân	6.859	282
Các loại thuê khác	1.679	-
	33.589	19.118

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Thuế bán hàng	88.035	53.457
Chi phí quảng cáo	23.315	183
Chi phí vận chuyển	5.644	3.833
Chi phí xuất khẩu	4.056	-
Chi phí bảo trì và sửa chữa	1.955	565
Chi phí khác	2.816	4.024
	125.821	62.062

Để nhất quán việc trình bày số liệu mang tính so sánh trong năm, số tiền 63.096 triệu đồng của năm 2005 được phân loại lại như sau:

- (a) Số tiền 61.383 triệu đồng được phân loại sang tài khoản "Phải trả Nhà nước".
- (b) Số tiền 1.713 triệu đồng được phân loại sang tài khoản "Dự phòng trợ cấp mệt việc làm".

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thiết minh	2006	2005
Cổ tức phải trả	1.307	189.999
Phải trả cho Nhà nước	(a) 63.967	898.673
Tiền nhận đặt cọc, ký quỹ	7.103	5.181
Phải trả khác	(b) 66.518	3.869
	138.895	1.097.722

Mẫu số B 09 - DN

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

(a) Bao gồm trong khoản phải trả cho Nhà nước có 23.808 triệu đồng là số thuê thu nhập doanh nghiệp mà Công ty đã nộp thừa trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa (ngày 1 tháng 12 năm 2003). Công ty có quyền yêu cầu cơ quan thuế hoàn lại (Thuyết minh 7) và đồng thời Công ty cũng có nghĩa vụ nộp lại cho Nhà nước khi được hoàn.

(b) Trong số phải trả khác có số tiền 60.786 triệu đồng là số tiền mà Công ty đã nhận từ một bên thứ ba cho việc chuyển nhượng cổ phiếu đầu tư (Thuyết minh 4(a)(i)).

14. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Biên động gộp của tài khoản thuế thu nhập hoàn lại được trình bày như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Số đầu kỳ	2.884	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(2.884)	2.884
Số cuối năm	-	2.884

Do thuê suất thuê thu nhập doanh nghiệp trong năm 2007 bằng không, nên không phát sinh thuê thu nhập hoàn lại đối với chênh lệch thuê tạm thời.

15. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Nhà nước		Nhà đầu tư trong nước		Nhà đầu tư nước ngoài		Tổng cộng	
	Số tiền triệu đồng	Tỉ lệ nắm giữ (%)	Số tiền triệu đồng	Tỉ lệ nắm giữ (%)	Số tiền triệu đồng	Tỉ lệ nắm giữ (%)	Số tiền triệu đồng	Tỉ lệ nắm giữ (%)
Tại ngày 31/12 / 2004	120.000	76,47	30.260	19,28	6.663	4,25	156.923	100
Biên động trong năm	(40.480)		3.516		39.041		2.077	100
Tại ngày 31/12 / 2005	79.520	50,01	33.776	21,25	45.704	28,74	159.000	
Biên động trong năm	-		(17.040)		17.040		-	
Tại ngày 31/12 / 2006	79.520	50,01	16.736	10,53	62.744	39,46	159.000	100

Theo Nghị định 144/2003/NĐ-CP về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán do Chính phủ ban hành, cổ phiếu niêm yết phải có mệnh giá là 10.000/cổ phiếu. Do đó, mệnh giá cổ phiếu của Công ty thay đổi từ 100.000 đồng/cổ phiếu thành 10.000 đồng/cổ phiếu vào ngày 19 tháng 1 năm 2006. Số lượng cổ phiếu thay đổi từ 15.900.000 cổ phiếu thành 159.000.000 cổ phiếu.

15. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, trong tổng số cổ phiếu do các nhà đầu tư trong nước nắm giữ có bao gồm 1.353.230 cổ phiếu với tổng giá trị là 21.354 triệu đồng đã được Công ty mua lại từ cổ đông Nhà nước trước năm 2006 để phân phối cho nhân viên. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2006, số cổ phiếu này chưa được phân phối.

Dựa theo việc phân phối trên, số cổ phiếu này sẽ được thanh toán bằng các nguồn sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thu từ nhân viên (Thuyết minh 5)	12.617
Thu từ Quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 5)	8.737
	21.354

Mẫu số B 09 - DN

16. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ phúc lợi, khen thưởng	Nguồn kinh phí sự nghiệp	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2005	1.569.237	9.990	52.715	26.358	36.985	301	156.660	1.852.246
Vốn tăng trong năm	20.763	44.227	-	-	-	-	-	64.990
Tăng do sát nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	75	-	-	75
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	605.484	605.484
Phân bổ lợi nhuận trong năm	-	-	60.548	30.274	60.548	-	(151.370)	-
Cố tức đã công bố	-	-	-	-	14.674	-	(270.300)	(255.626)
Biên động các quỹ trong kỳ (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	(20.076)	(175)	-	(20.251)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	1.590.000	54.217	113.263	56.632	92.206	126	340.474	2.246.918
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	731.585	731.585
Phân bổ lợi nhuận trong năm	-	-	476.982	36.579	73.159	-	(586.720)	-
Cố tức đã công bố	-	-	-	-	1.217	-	(143.100)	(141.883)
Biên động các quỹ trong kỳ (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	(101.756)	(126)	-	(101.882)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	1.590.000	54.217	590.245	93.211	64.826	-	342.239	2.734.738

17. BIẾN ĐỘNG LỚN CÁC QUỸ TRONG KỲ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thuyết minh	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ phúc lợi, khen thưởng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2005	52.715	26.358	36.985
Phân bổ lợi nhuận trong năm	60.548	30.274	60.548
Cổ tức liên quan đến những cổ phiếu chưa phân bổ cho nhân viên (Thuyết minh 18)	-	-	14.674
Tăng do sát nhập doanh nghiệp	-	-	75
Chi thưởng nhân viên	-	-	(20.574)
Chi công tác xã hội	-	-	(1.172)
Khác	-	-	1.670
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	113.263	56.632	92.206
Phân bổ lợi nhuận trong năm	(a) 476.982	36.579	73.159
Cổ tức liên quan đến những cổ phiếu chưa phân bổ cho nhân viên (Thuyết minh 18)	(b)	-	1.217
Chi thưởng nhân viên	(c) -	-	(83.341)
Chi công tác xã hội, các tổ chức từ thiện	-	-	(8.017)
Xóa các khoản nợ vay của nhân viên	-	-	(7.681)
Chi khác	-	-	(2.717)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	590.245	93.211	64.826

(a) Bao gồm trong số phân bổ lợi nhuận trong năm sang Quỹ đầu tư phát triển có 403.823 triệu đồng là tiền tiết kiệm chi phí thuê do miến thuê thu nhập doanh nghiệp trong năm 2004, 2005 và số tạm tính trong năm 2006 sau khi cổ phần hóa. Theo công văn 499 TC/DN ngày 16 tháng 1 năm 2002 của Bộ Tài Chính, Công ty không được phép phân phối số lợi nhuận này cho cổ đông. Tương ứng, số tiền này đã được phân phối vào quỹ đầu tư phát triển.

(b) Trong tổng số tiền chi thưởng cho công nhân viên có 31.975 triệu đồng là tiền thưởng cho Cán bộ - Công nhân viên nhân kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty được Tổng Giám đốc phê duyệt.

(c) Việc xóa các khoản nợ vay của cán bộ công nhân viên dùng nguồn từ Quỹ Phúc lợi trong năm 2006 được sự chấp thuận của Tổng Giám đốc Công ty.

(d) Các khoản chi khác là tiền ủng hộ chính quyền công đoàn địa phương, chi phí hội nghị của nhân viên, và những chi phí hỗ trợ nhân viên khác được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Mẫu số B 09 - DN

18. CỔ TỨC

Trong năm 2006, Công ty công bố cổ tức giữa kỳ với tổng giá trị là 143.100 triệu đồng (900 đồng/cổ phiếu), trong đó bao gồm 1.217 triệu đồng (Năm 2005: 14.674 triệu đồng) là cổ tức cho các cổ phiếu Công ty đã mua và phân phối cho nhân viên (Thuyết minh 15). Số cổ tức cho các cổ phiếu này được ghi nhận là một khoản tăng trong quỹ phúc lợi và khen thưởng (Thuyết minh 17).

- Cổ tức thuộc niên độ kêt thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 sẽ được đề xuất trong Đại hội cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2007.
- Cổ tức công bố sau ngày kêt thúc niên độ kê toán (ngày 15 tháng 1 năm 2007)
- Cổ tức cổ phiếu thường: 1.000 đồng

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (Triệu đồng)	731.585	605.484
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (Nghìn)	159.000	158.654
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (Đồng)	4.601	3.816

20. DOANH THU

(a) Doanh thu thuần

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	6.168.666	5.490.419
Doanh thu bán hàng hóa và nguyên vật liệu	149.163	162.622
Doanh thu từ dịch vụ	10.576	6.249
Doanh thu từ bán tài sản cho SABMiller	334.518	-
	6.662.923	5.659.290
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(9.426)	(11.768)
Giảm giá bán hàng	-	(678)
Hàng bán bị trả lại	(34.395)	(8.060)
	(43.821)	(20.506)
	6.619.102	5.638.784

20. DOANH THU (tiếp theo)

(a) Doanh thu thuần (tiếp theo)

Doanh thu bán tài sản cho liên doanh SABMiller gồm có 310.817 triệu đồng là doanh thu bán các chi tiêu xây dựng cơ bản (Thuyết minh 8(c)), 21.934 triệu đồng là doanh thu bán tiền thuê đất trả trước (Thuyết minh 9) và 1.767 triệu đồng là doanh thu bán các chi tiêu khác. Giá trị tài sản bán được đồng thời cũng được hạch toán bằng đúng với giá vốn hàng bán (Thuyết minh 21). Việc thực hiện các nghiệp vụ này phù hợp với nội dung của các điều khoản của hợp đồng liên doanh.

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.268	40.506
Lãi bán cổ phiếu	17.968	-
Lãi từ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	7.740	5.752
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.230	3.562
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.170	4.811
Các thu nhập tài chính khác	3.877	742
	74.253	55.373

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	4.572.473	4.223.063
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	88.903	152.686
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.197	4.047
Giá vốn tài sản bán cho SABMiller (Thuyết minh 20(a))	334.518	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.541	
	5.012.632	4.379.796

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Chi phí lãi vay	21.192	10.030
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.896	9.263
Lỗ do đầu tư vào Campina (Thuyết minh 4(b)(ii))	13.174	-
Lỗ do đầu tư trái phiếu, cổ phiếu	1.740	695
	40.002	19.988

Mẫu số B 09 - DN

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ CHUNG

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Khâu hao tài sản cố định	16.354	19.861
Chi phí nhân viên	22.890	14.025
Chi phí thuê	9.511	6.523
Dự phòng nợ khó đòi	510	-

24. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thuyết minh	2006	2005
Thu nhập khác		
Hoàn nhập Quỹ lương không sử dụng	(a) 93.600	-
Thuê được hoàn	- 36.232	36.232
Lãi do thanh lý tài sản	- 3.660	3.660
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	7.728	-
Thu nhập khác	5.914	5.220
	107.242	45.112
Chi phí khác		
Lỗ do thanh lý tài sản	- (1.821)	(1.821)
Chi phí khác	(1.210) (524)	(1.210) (2.345)
Thu nhập khác – sô thuần	106.032	42.767

(a) Số tiền trên liên quan đến một phần của Quỹ lương đã được trích trước từ nhiều năm với dự tính hỗ trợ cho cán bộ công nhân viên mua cổ phiếu của Công ty. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo của Công ty đã quyết định chính thức về việc nhân viên phải trả 100% tiền mua cổ phiếu được Công ty phân bổ. Do vậy, số tiền trên đã được hoàn nhập và ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

25. THUẾ

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 15% đến 28% tùy theo địa phương trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo Thông tư số 98/2002/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 24 tháng 10 năm 2002, Công ty được miễn thuế TNDN trong hai năm đầu tiên kể từ ngày cổ phần hóa là tháng 12 năm 2003 và giảm 50% số thuế TNDN phải trả trong hai năm tiếp theo. Theo Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài Chính ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công ty cũng được giảm 50% số thuế TNDN phải trả trong hai năm kể từ ngày niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày 19 tháng 1 năm 2006. Tổng Cục Thuế đã cho phép Công ty cộng gộp hai mức thuế suất ưu đãi trên bằng Công văn số 1591/TCT-CST ngày 4 tháng 5 năm 2006, điều này đưa đến Công ty được miễn hoàn toàn thuế TNDN trong năm 2006.

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIỀN QUAN

Cổ đông chủ yếu của Công ty là Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Văn Nhà nước, sở hữu 50,01% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Nghiệp vụ và số dư với SABMiller:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nghiệp vụ	2006	2005
Doanh thu bán tài sản cho SABMiller (Thuyết minh 20(a))	334.518	-
Đầu tư vào SABMiller (Thuyết minh 4(b)(i))	108.047	-
Cho SABMiller vay (Thuyết minh 4(a)(ii))	116.471	-

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số dư	2006	2005
Cho SABMiller vay (Thuyết minh 4(a)(ii))	116.471	-

(b) Nghiệp vụ và số dư với Campina:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nghiệp vụ	2006	2005
Doanh thu bán hàng hóa cho Campina	49.522	17.965
Mua hàng hóa của Campina	32.459	13.243
Cho Campina vay (Thuyết minh 4(b)(ii))	7.969	13.124
Đầu tư vào Campina	-	10.705

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số dư	2006	2005
Phải thu từ Campina	-	4.645

Mẫu số B 09 - DN

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIỀN QUAN (tiếp theo)

(c) Nghiệp vụ và sở dư với Công ty Cổ phần Bảo Bì Dầu Thực Vật:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nghiệp vụ	2006	2005
-----------	------	------

Mua hàng hóa của Công ty Cổ phần Bảo Bì Dầu Thực Vật 48.480 12.123

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số dư	2006	2005
-------	------	------

Phải thu trả Công ty Cổ phần Bảo Bì Dầu Thực Vật 5.775 2.980

(d) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
--	------	------

Lương và các quyền lợi gộp khác 10.599 10.161

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty báo cáo hoạt động theo hai bộ phận kinh doanh: nội địa và xuất khẩu. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

Kết quả kinh doanh theo bộ phận trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu	5.339.299	1.279.803	6.619.102
Giá vốn hàng bán	(4.032.496)	(980.136)	(5.012.632)
Lợi nhuận gộp	1.306.803	299.667	1.606.470

Doanh thu nội địa và giá vốn hàng bán ở trên bao gồm 334.518 triệu đồng liên quan đến doanh thu bán tài sản cho SABMiller (Thuyết minh 20(a)).

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh theo bộ phận trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu	4.252.421	1.386.363	5.638.784
Giá vốn hàng bán	(3.241.398)	(1.138.398)	(4.379.796)
Lợi nhuận gộp	1.011.023	247.965	1.258.988

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006 (Bất động sản)	2005 (Bất động sản)
Dưới 1 năm	3.825	14.239
Từ 1 đến 5 năm	5.648	17.587
Trên 5 năm	47.002	51.435
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	56.475	83.261

Cam kết thuê hoạt động liên quan đến các hợp đồng thuê đất và văn phòng cho các nhà máy và chi nhánh của Công ty.

29. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kê toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2005
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	121.309.021	24.730

Mẫu số B 09 - DN

30. CÁC CAM KẾT KHÁC

(a) Hợp đồng liên doanh ký với SABMiller Asia

Theo các điều khoản của hợp đồng liên doanh ký với SABMiller Asia, Công ty cam kết cho SABMiller vay 15,75 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty đã thực hiện cho SABMiller vay 7,25 triệu đô la Mỹ (tương đương 116.471 triệu đồng) (Thuyết minh 4(a)(ii)). Số 8,5 triệu đô la Mỹ còn lại sẽ được tiếp tục cho vay theo nhu cầu.

(b) Dự án Horizon

Theo các điều khoản trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ký với Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 (FICO) - Công ty Địa ốc FICO, Công ty cam kết sẽ góp 24,5% trong tổng vốn đầu tư dự tính là 285.000 triệu đồng, tương đương 69.825 triệu đồng. Việc góp vốn này sẽ được đóng góp theo tiến độ thi công của dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty đã thực hiện góp vốn được 4.900 triệu đồng (Thuyết minh 4(b)(iii)).

31. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Theo hợp đồng thuê đất số 10/2005/CTHT/HĐKT ngày 19 tháng 5 năm 2005 ký giữa Công ty với Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng tỉnh Bắc Ninh và theo công văn số 550/KTTH-CT ngày 18 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh thì Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cam kết hỗ trợ Công ty về tiền thuê đất. Công ty ước tính số tiền được hỗ trợ sẽ là 4.830 triệu đồng trong năm 2007 và 10.370 triệu đồng trong năm 2008. Tuy nhiên khoản hỗ trợ này còn phụ thuộc vào những thay đổi từ phía Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh dựa trên tiến độ và kết quả đầu tư của Công ty.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Bán phần hùn trong Campina

Tháng 1 năm 2007, Công ty quyết định rút vốn đầu tư trong Campina bằng cách bán toàn bộ phần vốn góp của Công ty tương đương với 50% vốn điều lệ của Campina cho bên đối tác nước ngoài của liên doanh với số tiền 18.624 triệu đồng. Công ty cũng đã ghi nhận 13.174 triệu đồng là khoản lỗ do đầu tư trong tổng vốn đầu tư 31.798 triệu đồng vào Campina (Thuyết minh 4(b)(ii)). Các bên liên doanh đang xúc tiến các thủ tục pháp lý cần thiết để điều chỉnh Giấy phép đầu tư. Tại ngày của báo cáo này, tiền trình trên vẫn chưa hoàn tất.

(b) Phát hành cổ phiếu mới

Ngày 15 tháng 11 năm 2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có văn bản số 66/UBCK-ĐKPH, phê duyệt cho Công ty phát hành thêm 18.050.475 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Trong tháng 1 năm 2007 Công ty đã phát hành đợt một với 7.950.000 cổ phiếu với giá 138.392,50 đồng/cổ phiếu. Số cổ phiếu còn lại sẽ được tiếp tục phát hành trong năm 2007. Việc phát hành số cổ phiếu nói trên đưa đến tỷ lệ phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước giảm xuống dưới 50%.

33. CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số thông tin mang tính so sánh trong báo cáo tài chính được phân loại lại khi trình bày báo cáo tài chính cho phù hợp với sự thay đổi của các chuẩn mực kế toán Việt Nam trong năm.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 12 tháng 3 năm 2007.



Lê Thành Liêm

Kế toán trưởng



Mai Kiều Liên

Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2007